

# Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ  
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Vương Hoàng Minh	Ủy viên
Ông Vũ Tuấn Hùng	Ủy viên
Ông Lê Văn An	Ủy viên
Ông Trịnh Hữu Long	Ủy viên
Ông Tô Ngọc Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2013)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vương Hoàng Minh	Giám đốc
Ông Phí Văn Long	Phó Giám đốc
Ông Phạm Bảo Long	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

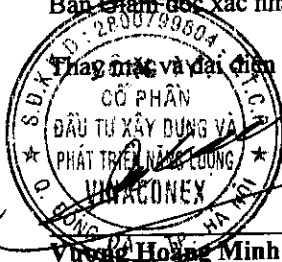
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vương Hoàng Minh**  
Giám đốc

Ngày 07 tháng 8 năm 2013

Số: *160* /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "**báo cáo tài chính riêng**") của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (gọi tắt là "**Công ty**") được lập ngày 07 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 23. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 07 tháng 8 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mai Hương**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0897-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ  
 Đống Đa, Hà Nội,  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**Mẫu số B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74.847.870.840</b>	<b>105.526.885.602</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>42.502.876.786</b>	<b>38.395.341.402</b>
1. Tiền	111		26.502.876.786	1.395.341.402
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	37.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.150.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.150.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.060.487.889</b>	<b>63.843.978.079</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	16.212.604.674	62.237.453.107
2. Trả trước cho người bán	132		696.046.500	542.178.024
3. Các khoản phải thu khác	135		151.836.715	1.064.346.948
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.365.876.596</b>	<b>1.265.543.970</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.365.876.596	1.265.543.970
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.768.629.569</b>	<b>2.022.022.151</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.656.273	85.914.557
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		880.195.263	1.321.932.789
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		814.778.033	614.174.805
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.252.567.076.789</b>	<b>1.291.350.145.062</b>
(200=220+250+260)				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.218.181.890.515</b>	<b>1.253.127.022.046</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.210.756.997.048	1.245.694.978.281
- Nguyên giá	222		1.405.316.096.784	1.405.300.651.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.559.099.736)	(159.605.673.048)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	7.424.893.467	7.432.043.765
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>531.804.998</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	531.804.998	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.853.381.276</b>	<b>38.223.123.016</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	33.853.381.276	38.223.123.016
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.327.414.947.629</b>	<b>1.396.877.030.664</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>892.586.015.772</b>	<b>900.061.721.730</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>230.610.631.000</b>	<b>182.783.730.201</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	187.055.803.218	143.894.311.814
2. Phải trả người bán	312	12	5.181.749.067	6.508.870.592
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		7.612.472.881	13.474.227.337
4. Phải trả người lao động	315		1.405.948.554	5.146.421.715
5. Chi phí phải trả	316		10.646.269.297	12.128.256.241
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	16.749.737.631	1.459.254.167
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.958.650.432	172.388.335
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>661.975.384.692</b>	<b>717.277.991.529</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	661.975.384.692	717.098.616.446
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	179.375.083
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>434.828.931.857</b>	<b>496.815.308.934</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>434.828.931.857</b>	<b>496.815.308.934</b>
1. Vốn điều lệ	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		27.516.261.165	13.463.957.089
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.447.047.769	6.731.978.544
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.865.622.923	96.619.373.301
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.327.414.947.629</b>	<b>1.396.877.030.664</b>

Nguyễn Văn Bình

Người lập biểu

Ngày 07 tháng 8 năm 2013

Phạm Bảo Long

Kế toán trưởng

Vương Hoàng Minh

Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
		đến ngày 30/6/2013	đến ngày 30/6/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	<b>15.960.199.421</b>	<b>25.748.906.496</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	34.953.426.688	34.915.279.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.671.105.091	13.053.405
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.237.937.856)	(1.775.208.507)
Chi phí lãi vay	06	38.722.211.338	47.913.379.602
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<b>92.069.004.682</b>	<b>106.815.410.499</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	46.471.146.422	(992.510.222)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(100.332.626)	750.406.173
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.435.361.936)	(1.146.341.924)
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.382.000.024	2.962.705.110
Tiền lãi vay đã trả	13	(40.204.198.282)	(49.403.757.298)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(46.317.424)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	21.673.068	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.594.422.000)	(915.842.709)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<b>87.563.191.928</b>	<b>58.070.069.629</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.445.455)	(6.764.279.756)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	-	31.818.100
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.150.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.237.937.856	1.775.208.507
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<b>(10.927.507.599)</b>	<b>(4.957.253.149)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	91.379.356.242	28.492.915.695
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(106.979.108.967)	(56.652.520.597)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.928.396.220)	(61.317.643.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<b>(72.528.148.945)</b>	<b>(89.477.248.402)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<b>28.004.997.384</b>	<b>(36.364.431.922)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.395.411.002	56.753.287.132
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<b>42.502.870.786</b>	<b>20.388.855.210</b>

  
 Nguyễn Văn Bình  
 Người lập biểu

  
 Phạm Bảo Long  
 Kế toán trưởng

  
 Vương Hoàng Minh  
 Giám đốc

Ngày 07 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (tên cũ là Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800799804 thay đổi lần 4 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 149 (31 tháng 12 năm 2012: 149).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng, tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (không bao gồm xuất khẩu vàng nguyên liệu);
- Khai thác đất, đá, cát, sỏi, đất sét.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các dự án thủy điện và sản xuất kinh doanh điện năng.

Trong năm 2013, Công ty thực hiện đầu tư để thành lập Công ty con - Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng, với chức năng hoạt động chính là xây dựng, vận hành và quản lý công trình thủy điện Bái Thượng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, **tóm tắt các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp**. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc **đang đánh giá** mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất cần phải trích lập dự phòng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<b>30 tháng 6 năm 2013</b>
	(Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20-35
Máy móc thiết bị	10-15
Thiết bị văn phòng	3-5
Phương tiện vận tải	5-8

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, **chênh lệch** tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn **khác**.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng tại tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào **báo cáo** kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được **phân bổ** vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng năm (5) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí trang bị nội thất văn phòng và được coi là có khả năng **đem lại lợi ích** kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được **vốn hóa** dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) **điều kiện** sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền **sở hữu sản phẩm** hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người **sở hữu hàng hóa** hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối **chắc chắn**;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định **một cách đáng tin cậy** và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được **ghi nhận** khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản **chênh lệch** tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được **chuyển đổi** theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại **ngày kết thúc** kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được **hạch toán** vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại **ngày kết thúc** kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc **sản xuất** những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được **cộng** vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản **thu nhập** phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30/6/2013, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không có khoản chênh lệch tạm thời nào trọng yếu phát sinh.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	528.295.357	30.604.255
Tiền gửi ngân hàng	25.974.581.429	1.364.737.147
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>16.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>
	<u><b>42.502.876.786</b></u>	<u><b>38.395.341.402</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện (EPTC)	14.726.855.777	60.611.040.332
Khách hàng khác	<u>1.485.748.897</u>	<u>1.626.412.775</u>
	<u><b>16.212.604.674</b></u>	<u><b>62.237.453.107</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	777.884.805.750	619.557.296.452	1.127.324.370	6.731.224.757	1.405.300.651.329
Tăng trong kỳ	-	-	15.445.455	-	15.445.455
Tại ngày 30/6/2013	<u>777.884.805.750</u>	<u>619.557.296.452</u>	<u>1.142.769.825</u>	<u>6.731.224.757</u>	<u>1.405.316.096.784</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	73.612.009.867	81.681.657.455	569.564.224	3.742.441.502	159.605.673.048
Khấu hao trong kỳ	13.657.394.640	20.708.211.416	123.794.018	464.026.614	34.953.426.688
Tại ngày 30/6/2013	<u>87.269.404.507</u>	<u>102.389.868.871</u>	<u>693.358.242</u>	<u>4.206.468.116</u>	<u>194.559.099.736</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2013	<u><u>690.615.401.243</u></u>	<u><u>517.167.427.581</u></u>	<u><u>449.411.583</u></u>	<u><u>2.524.756.641</u></u>	<u><u>1.210.756.997.048</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>704.272.795.883</u>	<u>537.875.638.997</u>	<u>557.760.146</u>	<u>2.988.783.255</u>	<u>1.245.694.978.281</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc thiết bị của công trình thủy điện Cửa Đạt với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.210.756.997.048 VND (31 tháng 12 năm 2012: 1.242.179.399.004 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 3.074.656.026 VND (31 tháng 12 năm 2012: 2.528.792.535 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Dự án Thủy điện Xuân Minh	7.424.893.467	7.058.746.044
Công trình nhà văn hóa thôn Tiến Sơn 02	-	342.560.903
Dự án Thủy điện Bái Thượng	-	30.736.818
	<u>7.424.893.467</u>	<u>7.432.043.765</u>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng	531.804.998	-

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	51%	51%	Đầu tư, xây dựng công trình thủy điện Sản xuất và kinh doanh điện

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	17.076.281.360	17.793.744.014
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	15.898.688.798	19.213.287.374
Chi phí khác	878.411.118	1.216.091.628
	<u>33.853.381.276</u>	<u>38.223.123.016</u>

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay cán bộ công nhân viên (*)	12.475.000.000	-
Vay ngắn hạn	53.492.419.037	38.258.303.485
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Ba Đình (**)	11.006.816.853	8.552.334.385
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (***)	42.485.602.184	29.705.969.100
Nợ dài hạn đến hạn trả (****)	121.088.384.181	105.636.008.329
	<u>187.055.803.218</u>	<u>143.894.311.814</u>

(\*) Khoản vay cán bộ công nhân viên để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay của mỗi hợp đồng là 3 tháng với lãi suất quy định cụ thể trên từng hợp đồng. Tiền lãi được trả cuối kỳ cùng đợt với trả gốc vay.

(\*\*) Khoản vay Ngân hàng Công thương theo HĐHMTD số 069/2013/HĐTD-PGDĐC ngày 01/6/2013, theo hạn mức tín dụng 22 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến 31/5/2014, tối đa 5 tháng trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013. Lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi sẽ là lãi suất năm và bằng tổng lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 4%. Trong đó, lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng kỳ hạn 3 tháng + biên độ + chi phí huy động vốn tăng thêm vào ngày xác định lãi suất. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 1 tháng/lần. Ngày xác định lãi suất là ngày 25 hàng tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(\*\*\*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 165/2013/HĐHMTD-PN/SHB.TL giữa Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Thăng Long với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex. Khoản vay được sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được bảo đảm bằng toàn bộ nguồn doanh thu chuyển về tài khoản của công ty tại SHB để đảm bảo cho các nghĩa vụ tài chính của mình. Trong đó, hạn mức tín dụng là 22 tỷ VND, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn của mỗi khoản vay trong HMTD được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 5 tháng. Trả lãi ngày 05 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế. Lãi suất cho vay được tính theo thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Gốc vay trả vào cuối kỳ hạn của mỗi kế ước nhận nợ.

(\*\*\*\*) Thể hiện các khoản vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả: Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội, thành phố Hà Nội và Thanh Hóa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa, và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam như trình bày tại Thuyết minh số 14 - Vay và nợ dài hạn.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi cục Di dân Thanh Hóa và Phát triển kinh tế mới	3.070.866.983	3.536.183.983
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	942.604.651	942.604.651
Khác	1.168.277.433	1.030.081.958
	<u>5.181.749.067</u>	<u>6.508.870.592</u>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	406.759.388	456.921.719
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp	70.504.927	69.462.912
Cổ tức	16.096.671.780	825.068.000
Khác	175.801.536	107.801.536
	<u>16.749.737.631</u>	<u>1.459.254.167</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (*)	177.910.624.099	198.428.456.099
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (**)	131.816.968.684	133.473.888.684
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (**)	100.344.844.053	101.606.164.053
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (**)	66.896.562.694	67.737.442.694
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (**)	66.896.562.694	67.737.442.694
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (***)	239.198.206.649	253.751.230.551
	<u>783.063.768.873</u>	<u>822.734.624.775</u>

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06/2005/HĐTD ngày 24/07/2005, Hợp đồng điều chỉnh Kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 109/2010/HĐKT giữa Quý hỗ trợ phát triển Hòa Bình nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex, Hợp đồng điều chỉnh số 05/2009/HĐTD ĐTĐC ngày 04/03/2009. Theo đó, hạn mức khoản tín dụng là 430 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 năm, thời gian ân hạn nợ gốc là 54 tháng, lãi suất cho vay áp dụng cho các khoản giải ngân từ ngày 01/7/2008 là 8,4%/năm với mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư cho Dự án Nhà máy thủy điện Cửa Đạt. Gốc và lãi thanh toán 1 tháng/lần.

(\*\*) Khoản vay với các ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa được ký chung một Hợp đồng tín dụng số 205.02/2005 ngày 01/8/2005 với Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex). Theo đó, hạn mức tín dụng của hợp đồng là 547 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho dự án Nhà máy thủy điện Cửa Đạt. Lãi suất áp dụng được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bình quân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của các ngân hàng tham chiếu (các ngân hàng tham gia cho vay) + tỷ lệ 3%/năm. Thời gian ân hạn thanh toán nợ gốc là 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong thời gian này lãi phát sinh sẽ được nhập gốc. Kỳ hạn thanh toán nợ gốc theo Phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ ngày 31/3/2011 là 3 tháng/lần. Vốn điều lệ cam kết của bên vay tối thiểu là 240 tỷ đồng.

Các khoản vay của 5 chi nhánh ngân hàng trên được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của bên vay theo các hợp đồng: Hợp đồng cầm cố tài sản số 205/03/2005 ngày 01/08/2005 cầm cố toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền và lợi ích theo hợp đồng bảo hiểm tài sản; Hợp đồng thế chấp tài sản số 205.04/2005 ngày 01/08/2005: tài sản thế chấp là các tòa nhà và công trình xây dựng gắn liền với khu đất Dự án thủy điện Cửa Đạt, tổ máy phát điện và các máy móc thiết bị phụ trợ, các quyền và lợi ích gắn liền với các tài sản thế chấp trên, quyền sử dụng đất và các tài sản khác.

(\*\*\*) Khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty Vinaconex) với Ngân hàng BNP Paribas. Theo đó, Tổng Công ty Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo các Hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy thủy điện Cửa Đạt và hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex ký hợp đồng vay lại của Tổng Công ty Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với hai hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng cho Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR USD 6 tháng + 0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ cùng ngày là LIBOR USD 6 tháng + 1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ  
 Đống Đa, Hà Nội,  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	121.088.384.181	105.636.008.329
Trong năm thứ hai	122.135.724.685	118.586.176.328
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	294.037.798.155	272.932.064.920
Sau năm năm	245.801.861.852	325.580.375.198
	<b>783.063.768.873</b>	<b>822.734.624.775</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	121.088.384.181	105.636.008.329
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>661.975.384.692</b>	<b>717.098.616.446</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	380.000.000.000	6.135.892.942	3.067.946.471	82.439.424.507	471.643.263.920
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	94.301.384.514	94.301.384.514
Chia quỹ	-	7.328.064.147	3.664.032.073	-	10.992.096.220
Chia cổ tức	-	-	-	(80.121.435.720)	(80.121.435.720)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>13.463.957.089</b>	<b>6.731.978.544</b>	<b>96.619.373.301</b>	<b>496.815.308.934</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	15.913.222.923	15.913.222.923
Chia quỹ	-	14.052.304.076	4.715.069.225	(24.466.973.301)	(5.699.600.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(72.200.000.000)	(72.200.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2013</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>27.516.261.165</b>	<b>11.447.047.769</b>	<b>15.065.622.923</b>	<b>434.828.931.857</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 20 tháng 3 năm 2013, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức với tỷ lệ 19% tương đương 72.200.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư và phát triển 14.052.304.076 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính 4.715.069.225 VND, tương đương 5% lợi nhuận sau thuế;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.778.000.000 VND, tương đương 4% lợi nhuận sau thuế;
- Trích thưởng cho người quản lý, kiểm soát của Công ty với số tiền là 1.874.000.000 VND tương đương 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch của năm tài chính 2012.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 380.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

**Cổ phiếu**

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam Vinaconex	123.424.000.000	32,5%	111.265.000.000	111.265.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	39.444.000.000	10,4%	35.305.500.000	35.305.500.000
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 4	14.440.000.000	3,8%	14.440.000.000	14.440.000.000
Tổng Công ty TNHH MTV Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	32.072.000.000	8,4%	31.751.500.000	31.751.500.000
Các cổ đông khác	170.620.000.000	44,9%	187.238.000.000	187.238.000.000
	<b>380.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>380.000.000.000</b>

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu mua bán điện	121.370.641.716	133.998.415.136
Doanh thu khác	-	5.858.349.706
	<b>121.370.641.716</b>	<b>139.856.764.842</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn mua bán điện	51.683.180.054	48.298.527.573
Giá vốn khác	-	5.635.159.706
	<b>51.683.180.054</b>	<b>53.933.687.279</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.722.211.338	47.913.379.602
Lãi vay được hỗ trợ lãi suất	-	(16.033.117)
Chênh lệch tỷ giá phân bổ	3.314.598.576	3.314.598.576
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.671.105.091	13.053.405
	<b>45.707.915.005</b>	<b>51.224.998.466</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	15.913.222.923	25.732.463.787
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	38.000.000	38.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	419	677

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	849.031.187.910	860.992.928.260
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	42.502.876.786	38.395.341.402
Nợ thuần	806.528.311.124	822.597.586.858
Vốn chủ sở hữu	434.828.931.857	496.815.308.934
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,85	1,66

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.502.876.786	38.395.341.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.364.441.389	63.301.800.055
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.150.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.017.318.175</b>	<b>101.697.141.457</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<b>Công nợ</b>	
	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	239.198.206.649	253.751.230.551

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2013</b>	<b>Từ ngày 01/01/2012</b>
	<b>đến ngày 30/6/2013</b>	<b>đến ngày 30/6/2012</b>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	23.919.820.665	25.375.123.055

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.502.876.786	-	-	42.502.876.786
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.364.441.389	-	-	16.364.441.389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.150.000.000	-	-	12.150.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.017.318.175</b>	-	-	<b>71.017.318.175</b>
<b>30/06/2013</b>				
Các khoản vay và nợ	187.055.803.218	416.173.522.841	245.801.861.852	849.031.187.910
Phải trả người bán và phải trả khác	21.931.486.698	-	-	21.931.486.698
Chi phí phải trả	10.646.269.297	-	-	10.646.269.297
<b>Tổng cộng</b>	<b>219.633.559.213</b>	<b>416.173.522.841</b>	<b>245.801.861.852</b>	<b>881.608.943.905</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(148.616.241.038)</b>	<b>(416.173.522.841)</b>	<b>(245.801.861.852)</b>	<b>(810.591.625.730)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ

Đống Đa, Hà Nội,

CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.395.341.402	-	-	38.395.341.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.301.800.055	-	-	63.301.800.055
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.697.141.457</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>101.697.141.457</b>
<b>31/12/2011</b>				
Các khoản vay và nợ	143.894.311.814	391.518.241.248	325.580.375.198	860.992.928.260
Phải trả người bán và phải trả khác	7.968.124.759	-	-	7.968.124.759
Chi phí phải trả	12.128.256.241	-	-	12.128.256.241
<b>Tổng cộng</b>	<b>163.990.692.814</b>	<b>391.518.241.248</b>	<b>325.580.375.198</b>	<b>881.089.309.260</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(62.293.551.357)</b>	<b>(391.518.241.248)</b>	<b>(325.580.375.198)</b>	<b>(779.392.167.803)</b>

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách bên liên quan:

	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam Vinaconex	Chủ sở hữu
Tổng Công ty Sông Đà	Chủ sở hữu
Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 4	Chủ sở hữu
Tổng Công ty TNHH MTV Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	717.462.654	939.462.908
Trả cổ tức trong kỳ	56.928.396.220	61.317.643.500



